TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG TÂY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 30/3/2021
V/v tranh chấp *"Xin ly hôn, nuôi con chung"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Kiều Oanh;
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Mỹ Hoa;
2. Ông Hồ Xuân Bình;

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thanh Sang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang: Ông Nguyễn Văn Quí – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 317/2020/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp *"Xin ly hôn, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2021/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1976.**
Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyệ n G, tỉnh Tiền Giang.
2. Bị đơn: **Anh Lê Văn Đ, sinh năm 1976.**
Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyệ n G, tỉnh Tiền Giang
(Chị L có đơn xin vắng mặt, anh Đ vắng mặ t)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc L có đơn xin vắng mặt. Tuy nhiên, theo nội dung đơn khởi kiện, quá trình tố tụng chị L trình bày:***

Chị và anh Đ do quen biết nên tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang vào ngày 17/3/2011. Thời gian đầu chung sống bình thường, nhưng thời gian sau này anh Đ thường xuyên nhậu nhẹt, chửi bới, đánh đập chị. Chị đã nhiều lần khuyên ngăn, tha thứ cho anh Đ nhưng anh Đ vẫn không thay đổi. Hiện tại anh chị đã ly thân,

chị đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Anh chị có ba con chung tên Lê Nguyễn Ngọc T1, sinh ngày 17/8/2001, Lê Nguyễn Ngọc T2, sinh ngày 23/10/2007, Lê Nguyễn Ngọc T3, sinh ngày 04/6/2013. Cháu T1 đã trưởng thành, có khả năng lao động được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nuôi, cấp dưỡng cháu T1. Riêng cháu T2 và cháu T3 hiện đang sống chung với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T2 và cháu T3, yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra, chị không có trình bày thêm ý kiến gì khác.

**** Tại phiên tòa bị đơn anh Lê Văn Đ vắng mặt. Tuy nhiên, quá trình tố tụng anh Đ trình bày:***

Anh thống nhất lời trình bày của chị L về thời gian chung sống, tự nguyện quen biết, tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn nhưng anh không đồng ý ly hôn, tuy cuộc sống chung có những mâu thuẫn nhỏ nhặt, do anh bị bệnh trong người, làm ăn không có tiền bạc nên anh hay cáu gắt, dẫn đến chửi vợ con, anh muốn chị L quay về chung sống. Chị L cương quyết xin ly hôn với anh thì tùy Tòa án quyết định. Trường hợp Tòa án cho chị L ly hôn với anh thì về con chung tùy Tòa án quyết định, về tài sản chung và nợ chung không có. Ngoài ra, anh không trình bày gì thêm khác.

**** Ý kiến của Viện kiểm sát:***

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, thông báo các văn bản tố tụng, cũng như tại phiên tòa Hội đồng xét xử những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Ngọc L với anh Lê Văn Đ. Về con chung: Giao cháu Lê Nguyễn Ngọc T1, sinh ngày 23/10/2007 và Lê Nguyễn Ngọc T2, sinh ngày 04/6/2013 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Đ cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng, chị Nguyễn Ngọc L có đơn xin vắng mặt, anh Lê Văn Đ được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để dự phiên tòa, nhưng anh Đ vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng. Căn cứ Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả thảo luận của Hội đồng xét xử. Hội đồng xét xử xác định quan hệ các bên đang tranh chấp là: "*Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung"* cần được xem xét, giải quyết theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh Đ cưới nhau, đăng ký kết hôn vào ngày 17 tháng 3 năm 2011, tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Anh, chị tiến đến hôn nhân là do tự nguyện. Theo đơn ly hôn và quá trình giải quyết vụ án, chị L cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh Đ thường xuyên nhậu

nhẹt, chửi bới, đánh đập chị, đời sống chung của anh chị kéo dài không có hạnh phúc, hiện nay tình cảm của chị đối với anh Đ không còn nữa nên chị xin ly hôn với anh Đ. Anh Đ có ý kiến trình bày không đồng ý ly hôn với chị L mặc dù anh thừa nhận có chửi vợ con. Thấy rằng, anh Đ không đồng ý ly hôn với chị L, nhưng qua hòa giải tại tòa án chị L vẫn cương quyết xin ly hôn, không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, chính quyền địa phương cũng xác nhận chị L đã dẫn hai con nhỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống. Hơn nữa, từ khi ly thân đến nay thì anh Đ vẫn không chủ động liên lạc hàn gắn với chị L, không đưa ra được phương pháp gì để anh chị có thể trở về đoàn tụ. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng, hôn nhân giữa chị L và anh Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L.

[4] Về con chung: Anh chị có ba con chung tên Lê Nguyễn Ngọc T1, sinh ngày 17/8/2001, Lê Nguyễn Ngọc T2, sinh ngày 23/10/2007, Lê Nguyễn Ngọc T3, sinh ngày 04/6/2013.

Cháu T1 đã trưởng thành, có khả năng lao động được nên chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nuôi, cấp dưỡng cháu T1. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét đến.

Hiện nay, cháu T2 và cháu T3 đang sống với chị L, hai cháu có nguyện vọng xin được sống với chị L, anh Đ thì không có ý kiến gì về việc nuôi con chung, giao cho Tòa án quyết định. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần đảm bảo cho các cháu ổn định chỗ ở, phát triển tâm lý bình thường nên quyết định giao cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng cháu T2 và cháu T3.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi cháu T2, cháu T3 hàng tháng theo quy định của pháp luật, anh Đ có đến Tòa nhưng không trình bày ý kiến về vấn đề này. Xét yêu cầu của chị L là có cơ sở vì theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình thì cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Xét thấy, hai cháu T2 và cháu T3 còn nhỏ, nhu cầu ăn ở, học hành, nhất là đảm bảo dinh dưỡng cho hai cháu để phát triển là rất cần thiết. Vì vậy, yêu cầu cấp dưỡng nuôi hai cháu T1 và cháu T2 mỗi cháu hàng tháng theo quy định của pháp luật là có cơ sở để chấp nhận. Do đó, buộc anh Đ thực hiện mức cấp dưỡng hàng tháng mỗi cháu bằng ½ mức lương tối theo quy định của nhà nước (thời điểm hiện tại tương đương 745.000 đồng/tháng x 02 cháu = 1.490.000 đồng). Thời gian cấp dưỡng bắt đầu khi án có hiệu lực đến khi cháu T2, cháu T3 đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh Đ không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị L yêu cầu xin ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

[7] Xét ý kiến và đề nghị của Viện Kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- *Căn cứ Điều 238, 235 Bộ luật Tố tụng dân sự;*

- *Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình;*

- Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a, khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Ngọc L.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Ngọc L được ly hôn với anh Lê Văn Đ.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Ngọc L được tiếp tục nuôi dưỡng 02 cháu Lê Nguyễn Ngọc T2, sinh ngày 23/10/2007; Lê Nguyễn Ngọc T3, sinh ngày 04/6/2013.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lê Văn Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu T2, cháu T3 hàng tháng mỗi cháu bằng ½ mức lương tối theo quy định của nhà nước (thời điểm hiện tại tương đương 745.000 đồng/tháng x 02 cháu = 1.490.000 đồng). Thời gian cấp dưỡng bắt đầu khi án có hiệu lực đến khi cháu T2, cháu T3 đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Anh Đ được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được ngăn cản người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Ngọc L phải chịu 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0016844 ngày 14/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây nên chị L đã nộp xong án phí.

Anh Đ phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Ngọc L, anh Lê Văn Đ có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện GCT;
- Chi cục THADS huyện GCT;
- Các đương sự;
- UBND xã B, huyện G;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Kiều Oanh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Tuyết Dung – Thạch Tân Dân Phan Thị Kiều Oanh